

KẾ HOẠCH PHÂN BỐ CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHO TỪNG HỌC KỲ

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Tên ngành: Cơ khí chế tạo

Mã ngành: 5520117

HỌC KỲ 1 (15 Tín chỉ)	HỌC KỲ 2 (15 Tín chỉ)	HỌC KỲ 3 (15 Tín chỉ)	HỌC KỲ 4 (15 Tín chỉ)
Tiếng Anh MH2072600, 3(1,2)	GDQP và AN MH2109020, 2(1,1)	GD Cảnh trí MH21C8019, 2(2,0)	Pháp luật MH2108103, 1(1,0)
Tin Học MH2101260, 2(1,1)	CN Chế tạo máy MH2032605, 4(3,1)	GD Thể chất MH21C9_05, 1(0,1)	Tự chọn (3 TC)
ATLĐ & SDNLHQ MH2032600, 3(3,0)	Công nghệ kim loại MH2032604, 3(3,0)	Thực tập Tiền MH2032609, 3(1,2)	Thực tập Tiền NC MH2032613, 3(1,2)
VKT với trợ giúp của MT MH2032601, 4(3,1)	Dung sai – ĐL KT MH2032602, 3(2,1)	Thực tập Phay MH2032610, 3(1,2)	Thực tập Phay NC MH2032614, 3(1,2)
Thực hành Hàn MH2032608, 3(1,2)	Thực hành Ngội MH2032607, 3(1,2)	Thực tập CNC MH2032611, 3(1,2)	Thực tập tốt nghiệp MH2032612, 5(0,5)
		Công nghệ CAD/CAM MH2032606, 3(2,1)	
			Tự chọn (3 TC)
			TT BT & SC TE CN MH2032615, 3(-,2)
			TT GC BTLE MH2032616, 3(-,2)
			Khóa luận MH2032617, 3(0,3)

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO & NCKH

TRƯỞNG KHOA



(Signature)

(Signature)

(Signature)

(Signature)

Nguyễn Lưu Minh Trết

Phan Văn Thanh Cầm